

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 9 năm 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đào Mạnh H, sinh năm 1998; có mặt.

*** Bị đơn:** Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1995; vắng mặt lần 2 không có lý do.

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã T, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Đào Mạnh Hùng trình bày:** Anh kết hôn với chị Trần Thị Thu H1 vào năm 2021, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được UBND xã T, huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 15/09/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 1 năm, đến năm 2022 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do trước khi lấy anh H, chị H1 đã có chồng và có con riêng, nhưng cố tình giấu anh, đến khi anh phát hiện thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã sau đó chị H1 đã

bỏ đi từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn có liên lạc, nhưng từ cuối năm 2023 cho đến nay vợ chồng không còn liên lạc nữa. Anh cũng nhiều lần tìm cách liên lạc và xin địa chỉ nơi cư trú của chị H1, nhưng chị H1 không cho. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thu H1.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Đào Xuân T, sinh ngày 09/5/2021. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Xuân T và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về con nuôi: Vợ chồng đều không có; về con riêng anh H không có, con riêng.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có.

- Về công sức đóng góp, cấp dưỡng sau ly hôn: Vợ chồng không có gì, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn chị Trần Thị Thu H1:* Chị Trần Thị Thu H1 hiện có hộ khẩu thường trú tại xã T, nhưng không sinh sống tại đại phương, hiện nay chị H1 đang ở đâu anh H và gia đình cũng không rõ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án triệu tập chị H1 đến Tòa án làm việc, nhưng chị H1 đều vắng mặt không có lý do. Anh Đào Mạnh H đã đề nghị Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành đăng Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên báo, đài và Cổng thông tin điện tử của Tòa án đối với chị Trần Thị Thu H1 nhưng chị H1 vẫn không về Tòa án để làm việc cũng không có tin tức gì về chị H1. Do vậy, Tòa án không thể yêu cầu chị H1 làm bản tự khai, ghi lời khai của chị H1 cũng như tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

** Xác minh tại UBND xã T:* Về quan hệ hôn nhân của anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ) nay là xã T, tỉnh Ninh Bình, ngày 15/9/2021. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình mẹ đẻ anh H tại thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ). Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị thấy không có mâu thuẫn gì lớn, chính quyền địa phương cũng không có lần nào phải can thiệp giải quyết mâu thuẫn. Còn thực tế giữa vợ chồng anh chị có mâu thuẫn không và nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Về phía chị H1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ đầu năm 2023 đến nay. Hiện nay, địa phương cũng không biết chị H1 đang ở đâu, còn anh H hiện nay đang làm công việc tự do tại địa phương, thu nhập như thế nào địa phương không rõ. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đào Xuân T, sinh ngày 09/05/2021, hiện nay cháu T đang được anh H và bà nội nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh H, chị H1 lấy nhau về ở chung nhà mẹ đẻ anh H thời gian ngắn nên không có nhà đất gì ở xã T; còn

anh chị có tài sản gì khác hay không, thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Về công nợ: Anh H, chị H1 chị không nợ các khoản gì đối với địa phương; việc anh chị có nợ cá nhân, tập thể nào khác hay không, thì chính quyền địa phương không nắm bắt được. Chính quyền địa phương nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H, chị H1 đã trầm trọng, khó có thể đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn theo nguyện vọng của anh H và theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Anh Đào Mạnh H vẫn giữ nguyên quan điểm, nguyện vọng xin được ly hôn chị H1 cũng như các yêu cầu đã trình bày. Chị Trần Thị Thu H1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1. Về con chung: Giao cháu Đào Xuân T, sinh ngày 09/05/2021 cho anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đào Mạnh H không đề nghị, nên không đặt ra xem xét. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, anh Đào Mạnh H có đơn khởi kiện vụ án ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương (cũ). Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã thụ lý và giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định chị Trần Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (cũ). Nơi ở cuối cùng của chị H1 không phải là Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án không thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành. Do đó, Hội đồng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đã thảo luận và ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam (cũ) nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 20 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã tiến hành thụ lý vụ án theo quy định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Đào Mạnh H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Trần Thị Thu H1 cư trú tại thôn M, xã T, tỉnh Ninh Bình; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn; nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 1 thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Mặt khác, do trước khi kết hôn với anh H, chị H1 đã có chồng và con riêng, nhưng cố tình giấu, đến khi anh H phát hiện thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã sau đó chị H1 đã bỏ đi từ tháng 5 năm 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có liên lạc với nhau đến khoảng giữa năm 2023 thì cắt đứt thông tin liên lạc và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H đề nghị ly hôn với chị H1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1.

[3] Về con chung: Anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1 có 01 con chung là cháu Đào Xuân T, sinh ngày 09/05/2021, hiện nay cháu T đang ở cùng với anh H. Khi ly hôn, anh Đào Mạnh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy, nguyện vọng của anh H là chính đáng, hiện nay cháu T đang ở, sinh sống ổn định với anh H và được anh H cùng gia đình chăm sóc tốt. Mặt khác, do chị Trần Thị Thu H1 đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, quá trình giải quyết vụ án chị H1 không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của chị H1 và cũng không rõ chị H1 đang ở đâu. Hội đồng xét xử

quyết định giao cháu Đào Xuân T cho anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Mạnh H không yêu cầu chị Trần Thị Thu H1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, cấp dưỡng khi ly hôn: Anh Đào Mạnh Hùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Mạnh Hùng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 85/2025/QH15; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Đào Mạnh H và chị Trần Thị Thu H1.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Xuân T, sinh ngày 09/05/2021 cho anh Đào Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị Thu H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh Đào Mạnh H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản chị H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đào Xuân T.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đào Mạnh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là Thi hành án dân sự thành phố H) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006693 ngày 14/4/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Đào Mạnh H có mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Thu H1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Thanh